

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 006/2024/CV-GL ngày 13 tháng 01 năm 2024 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm về việc bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Khu đô thị Gia Lâm” theo Văn bản số 222/BTNMT-KSONMT ngày 12/01/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm, địa chỉ Văn phòng tại Tầng 2 Trung tâm Thương mại Vincom Mega Mall Ocean Park tại lô đất CCTP-10 thuộc dự án Khu đô thị Gia Lâm, thị trấn Trâu Quỳ và các xã Dương Xá, Kiều Ky, Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu đô thị Gia Lâm, thị trấn Trâu Quỳ và các xã Dương Xá, Kiều Ky, Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Khu đô thị Gia Lâm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Trâu Quỳ và các xã Dương Xá, Kiều Ky, Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số: 0106205215, đăng ký lần đầu ngày 12/6/2013, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/6/2020. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 0106205215.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư hạ tầng khu đô thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
- Cơ sở có tổng diện tích sử dụng đất 4.045.070 m<sup>2</sup>, quy mô dân số khoảng 89.500 người theo Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm có trách nhiệm:
  - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
  - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
  - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
  - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
  - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

### **Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2024 đến ngày ..... tháng ..... năm 2031).

Giấy phép này thay thế Giấy phép môi trường số 206/GPMT-BTNMT ngày 07/9/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm.

**Điều 4:** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND Tp. Hà Nội (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT Tp. Hà Nội;
- Sở NN&PTNT Tp. Hà Nội;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH ĐT&PT đô thị Gia Lâm;
- Lưu: VT, KSONMT, NT.14.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- 67 nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt, bao gồm:
- + Nguồn số 01: Chung cư S2.01 thuộc lô đất B2-CT01;
- + Nguồn số 02: Chung cư S2.02 thuộc lô đất B2-CT01;
- + Nguồn số 03: Chung cư S2.03 thuộc lô đất B2-CT01;
- + Nguồn số 04: Chung cư S2.05 thuộc lô đất B2-CT01;
- + Nguồn số 05: Chung cư S2.06 thuộc lô đất B2-CT02;
- + Nguồn số 06: Chung cư S2.07 thuộc lô đất B2-CT02;
- + Nguồn số 07: Chung cư S2.08 thuộc lô đất B2-CT02;
- + Nguồn số 08: Chung cư S2.09 thuộc lô đất B2-CT02;
- + Nguồn số 09: Chung cư S2.10 thuộc lô đất B2-CT03;
- + Nguồn số 10: Chung cư S2.11 thuộc lô đất B2-CT03;
- + Nguồn số 11: Chung cư S2.12 thuộc lô đất B2-CT03;
- + Nguồn số 12: Chung cư S2.15 thuộc lô đất B2-CT03;
- + Nguồn số 13: Chung cư S2.16 thuộc lô đất B2-CT03;
- + Nguồn số 14: Chung cư S2.17 thuộc lô đất B2-CT03;
- + Nguồn số 15: Chung cư S2.18 thuộc lô đất B2-CT04;
- + Nguồn số 16: Chung cư S2.19 thuộc lô đất B2-CT04;
- + Nguồn số 17: Chung cư S1.01 thuộc lô đất B3-CT02;
- + Nguồn số 18: Chung cư S1.02 thuộc lô đất B3-CT02;
- + Nguồn số 19: Chung cư S1.03 thuộc lô đất B3-CT02;
- + Nguồn số 20: Chung cư S1.05 thuộc lô đất B3-CT01;
- + Nguồn số 21: Chung cư S1.06 thuộc lô đất B3-CT01;
- + Nguồn số 22: Chung cư S1.07 thuộc lô đất B3-CT01;
- + Nguồn số 23: Chung cư S1.08 Nthuộc lô đất B3-CT04;
- + Nguồn số 24: Chung cư S1.09 thuộc lô đất B3-CT04;
- + Nguồn số 25: Chung cư S1.10 thuộc lô đất B3-CT05;
- + Nguồn số 26: Chung cư S1.11 thuộc lô đất B3-CT05;
- + Nguồn số 27: Chung cư S1.12 thuộc lô đất B3-CT05;
- + Nguồn số 28: Chung cư R1.01 thuộc lô đất B5-CT01;
- + Nguồn số 29: Chung cư R1.02 thuộc lô đất B5-CT01;

- + Nguồn số 30: Chung cư R1.03 thuộc lô đất B5-CT01;
- + Nguồn số 31: Chung cư R1.05 thuộc lô đất B5-CT01;
- + Nguồn số 32: Chung cư T30 thuộc lô đất B3-CT03;
- + Nguồn số 33: Chung cư L26 thuộc lô đất B3-CT03;
- + Nguồn số 34: Chung cư L26M thuộc lô đất B3-CT03;
- + Nguồn số 35: Chung cư U38 thuộc lô đất B3-CT06;
- + Nguồn số 36: Chung cư L27 thuộc lô đất B3-CT06;
- + Nguồn số 37: Chung cư L27M thuộc lô đất B3-CT06;
- + Nguồn số 38: Chung cư P1 thuộc lô đất B5-CT02;
- + Nguồn số 39: Chung cư P2 thuộc lô đất B5-CT02;
- + Nguồn số 40: Chung cư P3 thuộc lô đất B5-CT02;
- + Nguồn số 41: Chung cư P4 thuộc lô đất B5-CT02;
- + Nguồn số 42: Khôi nhà thấp tầng khu San Hô;
- + Nguồn số 43: Khôi nhà thấp tầng khu Hải Âu;
- + Nguồn số 44: Khôi nhà thấp tầng khu Sao Biển;
- + Nguồn số 45: Khôi nhà thấp tầng khu Ngọc Trai;
- + Nguồn số 46: Tòa nhà văn phòng thuộc lô đất CCTP16;
- + Nguồn số 47: Các khu nhà vệ sinh công cộng;
- + Nguồn số 48: Khu dịch vụ và trưng bày Vinfast;
- + Nguồn số 49: Trung tâm thương mại Vincom Mega Mall;
- + Nguồn số 50: Trung tâm điều hành xe bus điện;
- + Nguồn số 51: Trường đại học Vinuni thuộc lô đất ĐH;
- + Nguồn số 52: Trường mầm non Vinschool thuộc lô đất B3-MN01;
- + Nguồn số 53: Trường phổ thông liên cấp Vinschool thuộc lô đất B3-CS01;
- + Nguồn số 54: Trường Tiểu học Brighton College VN thuộc lô đất B2.TH01;
- + Nguồn số 55: Trường trung học Brighton College VN thuộc lô đất B2.CS01;
- + Nguồn số 56: Trường trung học cơ sở Vinschool thuộc lô đất B1-CS01;
- + Nguồn số 57: Trường liên cấp The Deway Schools Ocean Park thuộc lô đất PT-01;
- + Nguồn số 58: Tòa chung cư U37 thuộc lô đất B1-CT02;
- + Nguồn số 59: Tòa chung cư Z30 thuộc lô đất B1-CT02;
- + Nguồn số 60: Tòa chung cư T30M thuộc lô đất B1-CT02;
- + Nguồn số 61: Nhà xe B1 kết hợp thương mại dịch vụ tại lô đất B1-CC01;
- + Nguồn số 62: Nhà điều hành của trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 thuộc lô đất HT-01;
- + Nguồn số 63: Phòng nghiên cứu pin tiên tiến Vinfast của trường đại học Vinuni thuộc lô đất ĐH;
- + Nguồn số 64: Nhà để xe thuộc lô đất B2-MN02;
- + Nguồn số 65: Nhà để xe thuộc lô đất B5-CC01;
- + Nguồn số 66: Nhà để xe thuộc lô đất CCTP-11;

+ Nguồn số 67: Nhà để xe thuộc lô đất B3-CT03;

- 01 nguồn phát sinh nước thải y tế (nguồn số 68): Phòng khám Đa khoa quốc tế Vinmec Ocean Park tại lô đất CCTP-11;

- 01 nguồn phát sinh nước thải không thường xuyên (nguồn số 69): Nước thải bể bơi (bao gồm nước xả kiệt bể bơi và nước rửa ngược bình lọc tuần hoàn).

## **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước chung của khu vực, tiếp tục chảy vào kênh tiêu Ngọc Động, sau đó chảy vào sông Cầu Bây.

2.2. Vị trí xả nước thải:

+ Vị trí: Hồ ga thoát nước thải nằm trên hệ thống cống thoát nước chung của khu vực thuộc địa phận xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2320826; Y = 598389 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 6°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 38.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý tự chảy từ mương quan trắc thoát ra hồ ga G4-T1, chảy tiếp vào tuyến cống hộp thuộc hệ thống cống thoát nước chung của khu vực chảy vào kênh tiêu Ngọc Động (điểm đầu nối nằm dưới gầm cầu vượt tuyến cao tốc Hà Nội – Hải Phòng), sau đó thoát vào sông Cầu Bây tại Km 10+736 bờ trái thuộc xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo phương thức tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm, xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải:

Nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không áp dụng do đã quan trắc tự động liên tục	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	COD	mg/l	-		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
5	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30	Tần suất 3 tháng/lần, bắt đầu từ ngày 01/01/2025	Không thực hiện quan trắc tự động, liên tục
6	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
7	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1		
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
11	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6		

12	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000		
----	----------------	---------------	-------	--	--

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước xám - nước từ bồn rửa, vệ sinh sàn, tắm giặt; nước đen - nước từ bồn cầu, bồn tiểu) từ các nguồn: Từ số 1 đến số 48, từ số 54 đến số 56, từ số 58 đến số 61, từ số 64 đến số 67 được thu gom chung về hệ thống bể tự hoại (trong đó nước xám được đầu nối vào bể lắng cuối cùng của hệ thống bể tự hoại) rồi đổ vào hệ thống thu gom nước thải chung về trạm xử lý nước thải số 1.

- Nước thải xám từ các nguồn số 49, 51, 52, 53, 57, 62, 63 được thu gom qua bể tách mỡ, sau đó chảy vào bể lắng cuối cùng của bể tự hoại 3 ngăn, rồi xả vào hệ thống thu gom nước thải chung về trạm xử lý nước thải số 1.

- Nước thải đen từ các nguồn số 49, 51, 52, 53, 57, 62, 63 được đưa qua hệ thống bể tự hoại, sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước thải chung về trạm xử lý nước thải số 1.

- Nước thải rửa xe từ nguồn số 50 được thu gom qua bể tách dầu rồi đổ vào hệ thống thu gom nước thải chung về trạm xử lý nước thải số 1.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 68 được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, sau đó tiếp tục được thu gom nước thải chung về trạm xử lý nước thải số 1.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 69: đối với nước từ quá trình rửa ngược bình lọc tuần hoàn được đổ vào hệ thống thu gom nước thải chung về trạm xử lý nước thải số 1; đối với nước xả kiệt bể bơi sẽ được giám sát nồng độ Clo dư đến ngưỡng “không phát hiện” trước khi đổ vào hệ thống thu gom nước thải chung về trạm xử lý nước thải số 1.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

#### *1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Đường ống thu gom về trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 để tiếp tục xử lý.

- Số lượng: 3.862 bể.

- Dung tích bể tự hoại:  $5 \text{ m}^3 \div 260 \text{ m}^3$ .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

#### *1.2.2. Trạm xử lý nước thải số 1:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hệ thống thu gom nước thải → Trạm bơm chuyên bậc → Bể bơm nước thải đầu vào → Mương tách cát → Bể tách cát, mỡ → Bể thiếu khí (04 mô đun A, B, C, D) → Bể hiếu khí (04 mô đun A, B, C, D) → Bể lắng sinh học (04 mô đun A, B, C, D) → Bể khử trùng → Mương quan trắc (hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế:  $38.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl, CH<sub>3</sub>OH, rỉ mật, PAC, NaOH, C-polymer (hoặc các

hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

### 1.2.3 Trạm xử lý nước thải y tế:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nước thải sau xử lý đạt Cột A QCVN 28:2010/BTNMT → Hệ thống thu gom nước thải → Trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1.

- Công suất thiết kế: 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, dinh dưỡng, PAC (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại trạm xử lý nước thải số 1.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc sau bể khử trùng.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 01 camera.

- Kết nối, truyền số liệu: Hệ thống quan trắc tự động liên tục của trạm xử lý nước thải số 1 đã truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, được xác nhận theo Công văn số 408/CCBVMT-TH ngày 01/6/2021 của Chi cục Bảo vệ môi trường thành phố Hà Nội.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải đối với các trường hợp: Dừng hoạt động; lưu lượng nước thải tăng cao đột ngột; nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định; hỏng hóc máy móc thiết bị; sự cố liên quan đến sinh khối; sự cố phát sinh mùi hôi; sự cố về hóa chất.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Mô đun A của trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 đã kết thúc vận hành thử nghiệm trước khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 206/GPMT-BTNMT ngày 07/9/2022.

- Mô đun B của trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 đang vận hành thử nghiệm theo kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường số 206/GPMT-BTNMT ngày 07/9/2022.

Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với mô đun C và D của trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 như sau:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Mô đun C và D của trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hố gom nước thải đầu vào và tại mương quan trắc nước thải đầu ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.



### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom nước thải độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Việc xả nước thải sau xử lý thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31/12/2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải sinh hoạt định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Khẩn trương báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm mô đun B của trạm xử lý nước thải số 1. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Hệ thống xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1;
- Nguồn số 02: Hệ thống xử lý khí thải từ phòng nghiên cứu pin tiên tiến Vinfast;
- Nguồn số 03 (không thường xuyên): Từ ống xả khí thải của hệ thống máy phát điện dự phòng tại khu vực hạ tầng kỹ thuật HT-01.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải số 1. Tọa độ:  $X_1 = 2321624$ ,  $Y_1 = 598467$ .
- Dòng số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ phòng nghiên cứu pin tiên tiến Vinfast. Tọa độ:  $X_2 = 2321328$ ,  $Y_2 = 597890$ .
- Dòng số 03: Tương ứng với ống thải của hệ thống máy phát điện dự phòng tại khu vực hạ tầng kỹ thuật HT-01. Tọa độ:  $X_3 = 2321562$ ;  $Y_3 = 598527$ .

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}00'$ , múi chiều  $6^{\circ}$ )

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Nguồn số 01:  $17.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .
- Nguồn số 02:  $4.800 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .
- Nguồn số 03: Không xác định.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

- Nguồn số 01 và 02: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Xả gián đoạn (khi máy phát điện hoạt động).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng, cụ thể như sau:

a) Chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý mùi của các trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 phải đảm bảo đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT ( $K_q = 1,0$ ;  $K_v = 0,8$ ) – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội (đối với các thông số  $\text{H}_2\text{S}$  và  $\text{NH}_3$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (đối với thông số Metyl Mercaptan), cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	$\text{H}_2\text{S}$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	6	Không áp dụng	Không áp dụng
2	$\text{NH}_3$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	40		
3	Metyl Mercaptan	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	15		

b) Chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ phòng nghiên cứu pin tiên tiến Vinfast trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	140 <sup>(1)</sup>	Không áp dụng	Không áp dụng
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	350 <sup>(1)</sup>		
3	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	40 <sup>(2)</sup>		

**Ghi chú:**

(1): Áp dụng hệ số ( $K_p = 1,0$ ;  $K_v = 0,7$ ) đối với thông số SO<sub>2</sub>, bụi tổng.

(2): Áp dụng hệ số ( $K_p = 1,0$ ;  $K_v = 0,8$ ) đối với thông số NH<sub>3</sub>.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (lắp đặt tại khu vực riêng biệt) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

**1.1. Mạng lưới thu gom:**

- Khí thải từ khu vực tách rác, cát của trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 và khí thải từ phòng nghiên cứu pin tiên tiến Vinfast được quạt hút vào hệ thống đường ống hút về hệ thống xử lý mùi, khí thải tương ứng.

- Khí thải từ các máy phát điện dự phòng được hệ thống đường ống đưa lên mái của công trình, thoát ra ngoài qua ống thải.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý mùi, khí thải phát sinh:**

**a) Tại hệ thống xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Tháp hấp phụ → Ống phóng không.

- Công suất thiết kế: 17.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, nước dùng để hấp thụ, than hoạt tính (hoặc các hóa chất, vật liệu tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

**b) Tại hệ thống xử lý khí thải từ phòng nghiên cứu pin tiên tiến Vinfast:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Lọc thô (bụi bẩn) → Lọc hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt hút → Ống phóng không.

- Công suất thiết kế: 4.800 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất, vật liệu tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không.**

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả

năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị xử lý mùi và khí thải, máy phát điện dự phòng, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải từ phòng nghiên cứu pin tiên tiến Vinfast.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1, hệ thống xử lý khí thải từ phòng nghiên cứu pin tiên tiến Vinfast.

3.3. Đối với các nguồn khí thải khác:

Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, bảo vệ, nhà ở do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Đặc biệt, khí thải từ khu vực chứa rác tại tầng hầm các tòa nhà, kho chứa rác của phòng khám Đa khoa quốc tế Vinmec Ocean Park phải được thu gom triệt để và dẫn thoát lên mái của tòa nhà, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ các máy thổi khí, máy bơm được lắp đặt tại trạm XLNT sinh hoạt số 1 (thuộc lô hạ tầng kỹ thuật HT-01);
- Nguồn số 02 (không thường xuyên): Từ hệ thống máy phát điện dự phòng tại khu vực hạ tầng kỹ thuật HT-01.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

2.1. Vị trí nguồn số 01: Tọa độ:  $X_1 = 2321658$ ;  $Y_1 = 598385$ .

2.2. Vị trí nguồn số 02: Tọa độ:  $X_2 = 2321562$ ;  $Y_2 = 598527$ .

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $105^{\circ}00'$  múi chiều  $6^{\circ}$ )

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	100
2	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	50
3	Đầu mẫu que hàn thải	07 04 01	450
4	Găng tay, giẻ lau dính CTNH	18 02 01	200
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	200
6	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	150
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	600
8	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	50
9	Than hoạt tính thải	12 01 04	3.300
	<b>Tổng</b>		<b>5.100</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (chưa bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được quản lý như đối với sản phẩm, hàng hóa):

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1	12 06 10	150.000

- Ngoài ra, chất thải rắn từ hoạt động chăm sóc cây xanh phát sinh khoảng 5.400 kg/ngày. Bùn từ bể tự hoại tại các hạng mục công trình thuộc phạm vi phục vụ của trạm xử lý nước thải số 1 khoảng 1.500 m<sup>3</sup>/năm.

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	39.200,76
	<b>Tổng</b>	<b>39.200,76</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ, quản lý CTNH:**

### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

CTNH được lưu chứa trong các thùng có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã CTNH và biển cảnh báo theo quy định.

### 2.1.2. Kho/khu vực lưu giữ trong nhà:

- Trong tầng hầm mỗi tòa chung cư bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 20 m<sup>2</sup>.
  - Trường đại học Vinuni bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 16 m<sup>2</sup>.
  - Trường phổ thông liên cấp Vinshool bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 12 m<sup>2</sup>.
  - Trường mầm non Vinshool bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 10 m<sup>2</sup>.
  - Trường tiểu học Brighton College VN bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 8 m<sup>2</sup>.
  - Trường trung học Brighton College VN bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 8 m<sup>2</sup>.
  - Trường trung học cơ sở Vinschool bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 6 m<sup>2</sup>.
  - Trường liên cấp The Dewey Schools Ocean Park bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 5 m<sup>2</sup>.
  - Khu dịch vụ và trưng bày xe Vinfast bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 5 m<sup>2</sup>.
  - Trung tâm thương mại Vincom Mega Mall bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 7,5 m<sup>2</sup>.
  - Phòng khám Đa khoa quốc tế Vinmec Ocean Park bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 6 m<sup>2</sup>.
  - Phòng nghiên cứu pin tiên tiến Vinfast của trường đại học Vinuni bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích 6 m<sup>2</sup>.
  - Khu vực trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 bố trí khu vực lưu giữ CTNH 15 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu giữ CTNH: Đặt trong nhà kiên cố, sàn bê tông, có rãnh thu gom chất lỏng đổ tràn và hồ thu gom, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định, có trang bị thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 được lưu chứa trong phòng có diện tích 30 m<sup>2</sup>.
- Rác thải từ quá trình tách rác thô và tách rác tinh tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 được lưu chứa trong phòng có diện tích 50 m<sup>2</sup>.

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng chứa rác có nắp đậy có dung tích 60÷100 lít được đặt tại các căn biệt thự, nhà liền kề, các tầng của nhà cao tầng, công trình công cộng, đường giao thông và trường học. Các xe đẩy rác chuyên dụng có dung tích 240÷660 lít, có nắp đậy để thu gom theo đúng quy định.

### 2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Phòng chứa rác sinh hoạt tại tầng hầm mỗi tòa chung cư: Phòng đệm (diện tích khoảng 30 m<sup>2</sup>), phòng tách rác sinh hoạt vô cơ (diện tích khoảng 17 m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt hữu cơ (diện tích khoảng 27,5 m<sup>2</sup>).
- Phòng chứa bùn thải từ Trạm XLNT sinh hoạt số 1 có diện tích khoảng 30 m<sup>2</sup>.
- Trung tâm thương mại Vincom Mega Mall bố trí phòng chứa rác sinh hoạt, bao gồm: Phòng đệm (diện tích khoảng 15m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt vô cơ (diện tích khoảng 7,5 m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt hữu cơ (diện tích khoảng 7,5 m<sup>2</sup>).
- Khu dịch vụ và trưng bày xe Vinfast bố trí phòng chứa rác sinh hoạt, bao gồm: Phòng rác sinh hoạt vô cơ (diện tích khoảng 5 m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt hữu cơ (diện tích khoảng 5 m<sup>2</sup>).

- Trường đại học Vinuni bố trí phòng chứa rác sinh hoạt, bao gồm: Phòng rác sinh hoạt vô cơ (diện tích khoảng 30 m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt hữu cơ (diện tích khoảng 30 m<sup>2</sup>).
- Trường liên cấp Vinschool bố trí phòng rác sinh hoạt, bao gồm: Phòng rác sinh hoạt vô cơ (diện tích khoảng 14 m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt hữu cơ (diện tích khoảng 12 m<sup>2</sup>).
- Trường mầm non Vinschool bố trí phòng rác sinh hoạt, bao gồm: Phòng rác sinh hoạt vô cơ (diện tích khoảng 8 m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt hữu cơ (diện tích khoảng 7,2 m<sup>2</sup>).
- Trường tiểu học Brighton College VN bố trí phòng rác sinh hoạt, bao gồm: Phòng rác sinh hoạt vô cơ (diện tích khoảng 14 m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt hữu cơ (diện tích khoảng 12 m<sup>2</sup>).
- Trường trung học Brighton College VN bố trí phòng rác sinh hoạt, bao gồm: Phòng rác sinh hoạt vô cơ (diện tích khoảng 14 m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt hữu cơ (diện tích khoảng 12 m<sup>2</sup>).
- Trường trung học cơ sở Vinschool bố trí phòng rác sinh hoạt, bao gồm: Phòng rác sinh hoạt vô cơ (diện tích khoảng 14 m<sup>2</sup>), phòng rác sinh hoạt hữu cơ (diện tích khoảng 12 m<sup>2</sup>).
- Phòng khám Vinmec Ocean Park bố trí phòng rác y tế có diện tích khoảng 12,8 m<sup>2</sup>.
- Tại các khu nhà liền kề, nhà biệt thự, khu dịch vụ công cộng không bố trí kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

Các phòng chứa rác sinh hoạt đều được đặt trong nhà kiên cố, sàn bê tông.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP:**

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Cơ sở sẽ được tiếp tục thực hiện theo Giấy phép môi trường đã được cấp cụ thể như sau:

## 1. Các hạng mục công trình chính:

1.1. Khôi nhà cao tầng: 21 tòa nhà cao từ 25 đến 38 tầng (bao gồm cả tầng hầm).

## 1.2. Các công trình giáo dục:

- Tám (08) trường mầm non.
- Sáu (06) trường tiểu học.
- Sáu (06) trường trung học cơ sở.
- Hai (02) trường trung học phổ thông.

## 1.3. Công trình bệnh viện gồm:

- Bệnh viện: Một (01) bệnh viện cao 09 tầng và 01 tầng hầm, 01 tum với quy mô 314 giường bệnh trên tổng diện tích sử dụng đất là 67.422 m<sup>2</sup>.

## 2. Xây dựng, hoàn thiện các công trình phụ trợ: Hai (02) bãi đỗ xe.

## 3. Xây dựng, hoàn thiện các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Các kho CTNH có diện tích 35 m<sup>2</sup> bố trí tại ô đất hạ tầng kỹ thuật.
- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 2 công suất 14.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gồm 2 mô đun, mỗi mô đun có công suất 7.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, sử dụng công nghệ sinh học bùn hoạt tính (AO) cải tiến.
- 01 Trạm xử lý nước thải bệnh viện có công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gồm 2 mô đun, mỗi mô đun có công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm), sử dụng công nghệ bùn hoạt tính – AO kết hợp có giá thể vi sinh di động (MBBR).

- 01 Hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt số 2 với công suất 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải y tế với công suất 1.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công các hạng mục công trình còn lại của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất

thải y tế và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT. Chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế và CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc tăng cường thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, áp dụng các giải pháp tiên tiến tại trạm xử lý nước thải số 1.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp.

5. Thực hiện các yêu cầu của pháp luật về thủy lợi và các nội dung theo văn bản thỏa thuận với cơ quan quản lý công trình thủy lợi.

6. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.